



LCS

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung về công ty

Tên công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166		
Tên tiếng Anh:	LICOGI 166 JOINT STOCK COMPANY		
Tên viết tắt:	LICOGI 166		
Mã chứng khoán:	LCS		
Địa chỉ trụ sở chính:	Tầng 4, Toà nhà JSC 34, ngõ 164 Khuất Duy Tiên, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội		
Điện thoại:	04. 222 50718	Fax:	04. 222 50716
Website:	www.licogi166.vn	Email:	info@licogi166.vn
Mã số doanh nghiệp:	0102264629 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đổi lần thứ 11 ngày 4 tháng 12 năm 2014		
Vốn điều lệ	76.000.000.000 đồng (<i>Bảy mươi sáu tỷ đồng chẵn</i>)		
Số tài khoản:	2111 0000 189225 Ngân Hàng ĐT & PT, Chi nhánh Hà Nội		

Logo Công ty:



2. Phạm vi lĩnh vực hoạt động chính của Công ty:

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0102264629 ngày 4/12/2014 (thay đổi lần thứ 11), Công ty CP Licogi 166 đăng ký hoạt động đa ngành nghề, tuy nhiên hiện trọng tâm hoạt động của Công ty hướng vào các lĩnh vực chính sau đây:

- Thi công xây lắp (*trọng tâm là xây lắp cơ điện, thi công hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp, các công trình giao thông, thủy lợi*);
- Tập trung nguồn lực cho lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng (khai thác và chế biến các sản phẩm từ mỏ đá Sao Thổ);
- Thi công các công trình điện (*Trọng tâm là các dự án điện cao thế*).

II. NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN.

- Ngày 18/5/2007, Công ty Cổ phần Licogi 16.6 được chính thức thành lập với số vốn điều lệ là 20 tỷ đồng. Trụ sở chính của Công ty đăng ký tại Ô số 1, Lô 4, Đền Lừ 1, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.
- Tháng 9/2009, Công ty chuyển trụ sở về địa chỉ mới tại tầng 4, Tòa nhà văn phòng Công ty 34, ngõ 164, Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Tháng 9/2009, Công ty thực hiện việc tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 25 tỷ đồng.
- Tháng 7/2010, Công ty thực hiện việc tăng vốn điều lệ từ 25 tỷ đồng lên 41 tỷ đồng.
- Ngày 06/7/2010, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu của mình tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán LCS.
- Tháng 7/2011, Công ty thực hiện việc tăng vốn điều lệ từ 41 tỷ đồng lên 60 tỷ đồng.
- Tháng 7/2012, Hoàn thành thi công đập dâng Công trình thủy điện Bản Chát với Khối lượng 1,6 triệu m³ bê tông đầm lăn (RCC).
- Tháng 10/2012, Công ty thực hiện việc sáp nhập Công ty LICOGI 16.9 vào Công ty Cổ phần 16.6 tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 76 tỷ đồng và đổi tên thành Công ty Cổ phần Licogi 166.
- Tháng 6/2013 Công ty Cổ phần Licogi 166 hoàn thành việc thoái vốn khỏi công ty CP Sông Đà Cao Cường thông qua việc bán 890.000 Cổ phiếu SCL.
- Tháng 12 năm 2014, Công ty tiến hành tái cấu trúc toàn diện: Định hướng tập trung vào 3 lĩnh vực hoạt động chính: Thi công xây lắp các công trình hạ tầng, giao thông; Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; Thi công xây lắp các công trình điện. Đồng thời tiến hành bố trí sắp xếp lại các vị trí lãnh đạo cấp cao, cơ cấu lại các Phòng ban, tinh giản bộ máy nhân sự; triển khai rà soát sửa đổi, bổ sung các quy trình Quản lý; thực hiện các giải pháp nhằm tiết giảm chi phí hoạt động; tăng cường công tác huấn luyện đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân viên có tay nghề cao; Tăng cường công tác tìm kiếm việc làm ...

III. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tiền thân là Chi nhánh của Công ty CP Licogi 16 tại Hà Nội. Licogi 166 được kế thừa và phát huy nền tảng kiến thức, kinh nghiệm và năng lực của Licogi 16 trong công tác tổ chức và quản lý thi công, xây lắp (đặc biệt các công trình Giao thông, thủy lợi, thủy điện, cơ điện...);

Bằng nội lực của đơn vị và sự kế thừa kinh nghiệm và năng lực của Licogi 16, Licogi 166 đã tổ chức thi công bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao được Chủ đầu tư và các tổ chức Tư vấn đánh giá cao tại Dự án thủy điện Bản Chát; hiện Licogi 166 đang thực hiện thi công xây lắp Dự án có quy mô lớn, yêu cầu kỹ thuật cao như Dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1 (gói thầu số 9 đoạn qua Quảng Trị), Dự án luồng cho tàu có tải trọng lớn vào Sông Hậu (gói thầu số 6B), Dự án BOT quốc lộ 38 (gói thầu số 11 và gói thầu số 12)...

Trong lĩnh vực đầu tư sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng: Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý và thực hiện đầu tư tại mỏ đá Sao Thổ, dự kiến sẽ hoàn thành vào tháng 6 năm 2015 và vận hành trong tháng 7 năm 2015 với công suất đạt ≥ 500 ngàn m³/năm, đồng thời khai thác kinh doanh có hiệu quả nguồn vật liệu đá xây dựng cung cấp cho Licogi 16 và các đơn vị có nhu cầu tại khu công nghiệp Formosa - Hà Tĩnh.

IV. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

1. Hoạt động thi công xây lắp

Trong năm 2014, ngoài lĩnh vực thi công thủy điện, cơ điện đã trở thành thương hiệu, Công ty đã được các chủ đầu tư tin tưởng và giao trọng trách thi công các công trình có giá trị lớn, Dự án cải tạo mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Quảng Trị, Dự án xây dựng công trình luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào Sông Hậu - Tỉnh Trà Vinh, Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 38 đoạn nối Quốc lộ 1 với Quốc lộ 5 qua tỉnh Bắc Ninh và Hải Dương....

Mặc dù vậy, năm 2014 vẫn là năm nền kinh tế đất nước đối mặt với nhiều khó khăn, Licogi 166 cũng không phải là ngoại lệ, kết thúc một năm kinh tế âm ậm, tất cả các chỉ tiêu kinh tế của công ty đều không đạt mức như kỳ vọng.

Trong năm 2014, doanh thu thực hiện trong lĩnh vực thi công xây lắp của Công ty đạt giá trị trên 13,5 tỷ đồng chỉ đạt được 10% so với kế hoạch.

Các công trình tiêu biểu mà công ty đã và đang triển khai thi công:

- Công trình Thủy điện Bản Chát Công ty đảm nhận thi công các hạng mục: Bê tông CVC (đỉnh đập, bù hạ lưu, nhà vận hành, nhà che giếng thang) và các hạng mục khác.

- San lấp mặt bằng khu kinh tế Nghi Sơn.

- Công trình điện hạ áp REII tại các tỉnh Hưng Yên, Thái Nguyên.

- Công trình Nhà máy khai thác và chế biến khoáng sản Núi Pháo – Thái Nguyên.

- Các công trình tại Khu kinh tế Vũng Áng.

- Công trình Tháp điều áp: Thủy điện Mường Kim, thủy điện Nậm Tha 4 - Lào Cai...

- Công trình điện trung và hạ thế Bắc Ninh gói thầu: NPC/Dep2-MV/LV - W03.9.BN.

- Công trình trung tâm thông tin khu vực Miền Trung Tây Nguyên.

- Công trình Cải tạo mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Quảng Trị.

- Công trình cải tạo nâng cấp Quốc lộ 38 đoạn nối Quốc lộ 1 với Quốc lộ 5 qua tỉnh Bắc Ninh và Hải Dương.

- Công trình Thi công nạo vét kênh tắt và Công trình bảo vệ bờ thuộc Dự án xây dựng công trình luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào Sông Hậu.

2. Hoạt động kinh doanh và cho thuê xe máy thiết bị:

Kinh doanh đá tại mỏ đá Sao Thổ Hà Tĩnh và cho thuê xe máy thiết bị: Khai thác tốt các nguồn lực tại ban điều hành Sao Thổ để thực hiện công tác cho thuê xe máy, thiết bị thi công công trình và kinh doanh đá xây dựng cung cấp cho Khu công nghiệp Formosa - Hà Tĩnh.

Năm 2014 là với tổng doanh thu đạt được gần 63,5 tỷ VNĐ đây là nguồn thu đáng lớn cho Công ty tuy nhiên hiệu quả mang lại là tương đối thấp.

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY

Để xây dựng Công ty trở thành một tổ chức lớn mạnh và bền vững, có vị thế và có uy tín trong lĩnh vực mà Công ty tham gia, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thống nhất định hướng hoạt động của Công ty tập trung vào 2 lĩnh vực chính là: Thi công xây lắp hạ tầng (*trọng tâm là xây lắp điện, thi công hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp, các công trình giao thông*); Tập trung nguồn lực cho lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng (khai thác và chế biến các sản phẩm từ mỏ đá Sao Thổ); Hoạt động sản xuất kinh doanh trong

5 năm từ năm 2015 đến năm 2019, mức độ tăng trưởng phần đầu bình quân đạt $\geq 15\%$.

Cùng với đó Công ty hướng tới xây dựng một đội ngũ cán bộ nhân viên trẻ trung năng động, đầy nhiệt huyết khát khao cống hiến có trình độ chuyên môn, kỹ năng cao đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

1. Tầm nhìn:

- Trở thành một doanh nghiệp có uy tín, có vị thế trong lĩnh vực thi công xây lắp hạ tầng, mang tới sự hài lòng cho khách hàng.

2. Sứ mệnh:

- Xây dựng và giữ gìn môi trường làm việc thân thiện, năng động, chuyên nghiệp và minh bạch, dựa trên tinh thần đoàn kết, sáng tạo và trách nhiệm, tạo dựng sức mạnh tập thể, mang lại cuộc sống đầy đủ về vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân viên, mang lại lợi ích cho các cổ đông và có trách nhiệm với cộng đồng.

3. Định hướng và chiến lược phát triển:

Phát triển hoạt động của công ty vào 2 lĩnh vực chính gồm: Thi công xây lắp hạ tầng (đường giao thông, hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp, các công trình thủy lợi, cấp thoát nước, các công trình điện) và lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng (khai thác và kinh doanh đá xây dựng).

- Không ngừng nâng cao sức mạnh nội lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, phát huy thế mạnh trong lĩnh vực thi công xây lắp hạ tầng nhằm duy trì sự phát triển ổn định của công ty.

- Tăng cường công tác kiểm soát và quản lý rủi ro.

- Xây dựng các kênh thông tin và mở rộng mối quan hệ với đối tác, khách hàng để tìm kiếm, tiếp cận và dành được các dự án mới đem lại việc làm và doanh thu cho công ty.

- Đẩy mạnh hoạt động trong lĩnh vực khai thác, sản xuất và kinh doanh đá và các sản phẩm từ mỏ đá Sao Thổ - Hà Tĩnh;

- Kiên định mục tiêu phát triển bền vững, tạo môi trường làm việc thân thiện, năng động và sáng tạo, tạo điều kiện tốt nhất để phát triển năng lực cá nhân và tạo dựng sức mạnh tập thể để mang lại lợi ích cao nhất cho doanh nghiệp, cho các Cổ đông và cho các thành viên trong Công ty.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. NHỮNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổng giá trị sản lượng : 89.619,6 trđ đạt 41,2% kế hoạch năm
- Tổng doanh thu : 79.211 trđ đạt 36,0% kế hoạch năm

Trong đó:

STT	Nội dung	Sản lượng (trđ)	Doanh thu (trđ)
1	Thi công xây lắp	19.162,1 (14,7%)	15.711,3 (11,6%)
2	Kinh doanh và cho thuê TS	69.849,3 (114,0%)	63.499,4 (103,6%)
3	Khai thác và SX đá xây dựng	608,2 (2,4%)	0 (0%)

2. Tình hình thực hiện tại các dự án:

2.1 Công trình nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1A - gói thầu số 9:

- Năm 2014 công trường chủ yếu tập trung công tác đào đất nền đường, đắp đất K95, K98 và thi công cấp phối đá dăm với giá trị thực hiện không lớn. Phần thi công bê tông Asphalt với giá trị lớn chưa thực hiện được và được chuyển sang năm 2015.

- Giá trị khối lượng thi công: 10.611,7 trđ.
- Doanh thu: 7.827,8trđ.

2.2 Công trình thủy điện Bản Chát:

- Năm 2014 công trường thủy điện Bản Chát chủ yếu tập trung hoàn thiện công tác quyết toán và khắc phục các tồn tại trên công trường để bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

- Giá trị khối lượng thi công: 1.282,7 Triệu VNĐ.
- Doanh thu: - 716,6 Triệu VNĐ (Do quyết toán hạng mục phụ trợ giảm giá trị).

2.3 Công trình DEPII - Bắc Ninh:

- Đã thi công hoàn thành dự án tháng 07/2014
- Giá trị thực hiện là 1.309,0 Triệu VNĐ; Doanh thu 1.190,0 Triệu VNĐ.

2.4 Công trình trung tâm thông tin Miền Trung và Tây Nguyên (Đà Nẵng):

- Giá trị thực hiện là 228,0 Triệu VNĐ; Doanh thu 0,0 Triệu VNĐ. Công trường đang chờ bàn giao mặt bằng từ chủ đầu tư.

2.5 Công trình By - Product Area (Hà Tĩnh):

- Công trình đã hoàn thành năm 2013 và Doanh thu chuyển sang năm 2014 là 2.202,0 Triệu VNĐ.

2.6 Dự án Nhà máy thép Formosa - Hà Tĩnh:

- Công ty tham gia xây dựng hệ thống đường chính thức khu Bắc: Thi công công tác đào bốc xúc, lát gạch vỉa hè, hệ thống cống hộp, mương rãnh với Công ty CP LICOGI 16.

- Giá trị khối lượng thi công: 5.166,6 Triệu VNĐ.

- Doanh thu: 4.696,9 Triệu VNĐ.

3. Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014

Năm 2014 nền kinh tế Việt Nam vẫn còn rất nhiều khó khăn, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thi công xây lắp, trong bối cảnh đó HĐQT và Ban điều hành đã không ngừng tìm kiếm các giải pháp trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh, cùng với sự chỉ đạo sát sao, linh hoạt với tinh thần trách nhiệm cao nhằm mục tiêu duy trì đà tăng trưởng của công ty như những năm trước đây. Tuy nhiên, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2014 đạt được là rất thấp so với kế hoạch.

3.1 Trong hoạt động thi công xây lắp:

Năm 2014, Công ty không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh, kết quả các chỉ tiêu đạt tỷ lệ rất thấp, Doanh thu thực hiện trong hoạt động thi công xây lắp là 19.1 tỷ đồng. Nguyên nhân của việc không hoàn thành mục tiêu kế hoạch năm được kiểm điểm và chỉ ra như sau:

- Khó khăn chung do suy thoái kinh tế dẫn đến nhiều dự án, công trình Công ty đã đấu thầu, đang theo đuổi để được chỉ định thầu hoặc giao thầu chưa bố trí được vốn nên bị dừng hoặc giãn tiến độ thi công.

- Các công trường có khối lượng, giá trị lớn (như công trình thủy điện Bản Chát) đã kết thúc; Thu vốn và thu hồi công nợ, không đạt kế hoạch, nên tài chính của Công ty gặp nhiều khó khăn.

- Một số công trình, dự án về xây lắp của công ty nằm trong kế hoạch sẽ triển khai trong năm 2014 nhưng đều không thể thực hiện được.

- Dự án đầu tư khai thác và sản xuất đá xây dựng tại mỏ đá Sao Thổ tập trung khá lớn về nguồn lực nhưng chưa được khai thác do đang chờ cấp giấy phép khai thác.

- Các dự án xây lắp mà công ty theo đuổi và có khả năng tham gia thực hiện đều dồn doanh thu vào năm 2015.

3.2 Hoạt động kinh doanh thương mại:

Năm 2014 là năm hoạt động kinh doanh thương mại đạt được gần 63,5 tỷ VNĐ đây là nguồn thu lớn cho công ty mặc dù không mang lại hiệu quả cao nhưng rất có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh mỏ đá Sao Thổ đang chờ được cấp phép và đảm bảo dòng tiền, giải quyết khó khăn tạm thời về tài chính.

3.3 Công tác đầu tư:

Năm 2014 là năm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gặp rất nhiều khó khăn, các dự án thi công xây lắp có quy mô và giá trị lớn không có do vậy Công ty không thực hiện các hoạt động đầu tư mới cho sản xuất.

3.4 Công tác tổ chức nhân sự:

- Năm 2014 vừa qua, một mặt Công ty tiến hành việc sắp xếp lại cơ cấu nhân sự trong toàn công ty để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, nâng cao hiệu quả làm việc của từng cá nhân người lao động, góp phần tiết giảm chi phí quản lý. Mặt khác vẫn đảm bảo duy trì đội ngũ Cán bộ công nhân viên nòng cốt có tay nghề và tâm huyết làm tiền đề quan trọng cho sự phát triển trong tương lai của công ty.

- Năm 2014 cũng là năm đánh dấu sự chuyển dịch cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, HĐQT đã thông qua sơ đồ tổ chức và hoạt động mới của Công ty. Tháng 12 năm 2014 Công ty tiến hành tái cơ cấu triệt bộ máy điều hành công ty thông qua việc bố trí, bổ nhiệm lại đội ngũ lãnh đạo cấp cao, bố trí sắp xếp lại cơ cấu các phòng ban công ty theo hướng tinh giản, Công ty thực hiện việc quản trị doanh nghiệp theo hướng tập trung, tạo lập được tính chuyên môn hóa cao, quá trình ra các quyết định được kịp thời, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động và kinh doanh của Công ty.

- Cùng với tăng cường công tác quản trị điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Công ty thực hiện nhiều giải pháp nhân sự đồng bộ, kịp

thời như: Tuyển dụng bổ sung nhiều cán bộ kỹ sư có trình độ chuyên môn cao, tinh giảm biên chế đối với lực lượng lao động chưa đáp ứng được yêu cầu hoặc chưa có nhu cầu sử dụng của Công ty. Đồng thời tổ chức nhiều chương trình đào tạo nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng làm việc cho nhiều lượt cán bộ nhân viên Công ty, xây dựng và đưa vào thực hiện quy chế trả lương mới, hoàn thiện và ban hành các quy trình làm việc của các phòng ban trong toàn công ty ...

3.5 Công tác quan hệ nhà đầu tư:

- Bên cạnh việc tập trung phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty cũng thực hiện tốt công tác quan hệ với nhà đầu tư và quan hệ công chúng, mọi thông tin liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh, tới tình hình tài chính... đều được công bố kịp thời với UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và đăng công khai trên trang điện tử của công ty cũng như trên các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của Pháp luật.

- Tính đến thời điểm 6/4/2015, công ty có tổng cộng 413 cổ đông, trong đó hơn 13 cổ đông là các tổ chức, các quỹ đầu tư và các công ty chứng khoán.

II. NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM 2014

- Năm 2014 là năm công ty thực hiện triệt để việc tái cấu trúc Công ty, tăng cường các hoạt động nhằm tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp, sàng lọc bộ máy nhân sự nhằm phát huy năng lực và hiệu quả làm việc của người lao động để thích nghi với tình hình khó khăn chung của các doanh nghiệp – đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động thi công xây lắp.

- Thực hiện quản trị công ty, công bố thông tin đại chúng bằng quy chế quản trị công ty, quy trình công bố thông tin, các quy chế quản lý nội bộ khác.

- Xây dựng và đăng ký Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể và đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước.

- Xây dựng, Ban hành và đưa vào vận hành các quy trình làm việc trong toàn công ty.

- Điều chỉnh qui chế Tài chính, quy chế trả lương, thưởng theo hướng thu nhập của người lao động gắn liền với hiệu quả sản xuất kinh doanh, trên nguyên tắc công bằng. thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ cơ sở, thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động trong Công ty.

III. TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI

Nhằm từng bước tháo gỡ khó khăn, xây dựng công ty trở thành một tổ chức lớn mạnh và bền vững, có vị thế và có uy tín trong lĩnh vực mà công ty tham gia, xác định hướng đi đúng, có hiệu quả nhằm khôi phục đà tăng trưởng ngay trong năm 2015 và tăng trưởng ổn định trong những năm tiếp theo. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thống nhất định hướng phát triển hoạt động của công ty vào các lĩnh vực chính gồm: Lĩnh vực thi công xây lắp, lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

Với định hướng phát triển như trên, Hội đồng quản trị đã thống nhất xác định Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2015 với các mục tiêu chính như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	Tỷ lệ 2015 so với 2014
1	Doanh thu	79.210	245.766	310 %
2	Lợi nhuận trước thuế			
3	Vốn điều lệ	76.000	76.000	100%
4	Lợi nhuận sau thuế	(-37.748)	1.414	
5	Tỷ lệ cổ tức	0	0	0
6	Thu nhập bình quân	8	8	100%

a. Trong hoạt động thi công xây lắp

- Dự án Quốc lộ 1A:

+ Hoàn thành toàn bộ dự án theo tiến độ cam kết với chủ đầu tư ngày 30/06/2015.

+ Hoàn thành công tác nghiệm thu thanh quyết toán khối lượng ngày 15/08/2015.

- Dự án Thủy điện Bản Chát:

+ Hoàn thành công tác dãn chống thấm, xử lý khe nứt đập RCC ngày 15/05/2015.

+ Hoàn thành toàn bộ hồ sơ nghiệm thu quyết toán trước 30/06/2015.

- Dự án TTX Miền Trung tây nguyên:

- + Hoàn thành toàn bộ dự án trước ngày 30/11/2015.
- + Hoàn thành Hồ sơ quyết toán trước 31/12/2015.
- Dự án Sông Hậu:
 - + Hoàn thành toàn bộ dự án trước 30/10/2015.
 - + Hoàn thành công tác quyết toán trước 31/12/2015.
- Dự án BOT 38 Bắc Ninh Hải Dương:
 - + Hoàn thành cơ bản gói thầu số 11 và 12 trước 31/12/2015.
 - + Hoàn thành toàn bộ doanh thu đặt ra (90% giá trị thực hiện năm 2015) trước 31/12/2015.
- Dự án Formosa Hà Tĩnh:
 - + Hoàn thành công tác thi công và quyết toán trước 30/6/2015.

b. Trong hoạt động kinh doanh thương mại:

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Hợp đồng cung cấp đá xây dựng đã ký kết với Công ty CP Licogi 16 và hoạt động kinh doanh đá, các sản phẩm từ mỏ đá Sao Thổ - Hà Tĩnh.

- Triển khai đầu tư xe máy thiết bị phục vụ thi công các dự án hạ tầng giao thông và xe máy thiết bị phục vụ công tác khai thác tại mỏ đá Sao Thổ Hà Tĩnh.

c. Trong hoạt động khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng

- Tập trung toàn lực và chỉ đạo quyết liệt để hoàn thiện các thủ tục pháp lý và công tác đầu tư tại mỏ đá Sao Thổ - Hà Tĩnh ngay trước tháng 6 năm 2015 để triển khai sản xuất với cường độ cao ngay khi được cấp phép.

- Dự kiến doanh thu đạt được của hoạt động sản xuất và bán các loại đá tại mỏ đá Sao Thổ Hà Tĩnh trong năm 2015 ước đạt trên 28 tỷ đồng và hoạt động kinh doanh và cho thuê tài sản đạt thêm 3 tỷ đồng.

d. Giải pháp thực hiện:

Mục tiêu phát triển của Công ty là sự phát triển bền vững, bảo toàn vốn, doanh thu lớn, lợi nhuận cao vì quyền lợi của cổ đông, góp phần nâng cao đời sống của cán bộ công nhân, đảm bảo uy tín, chất lượng và hiệu quả của mỗi một dự án công ty tham gia. Để hoàn thành mục tiêu kế hoạch đặt ra trong năm 2015. Công ty sẽ tiến hành các giải pháp quyết liệt và đồng bộ sau đây:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh:

+ Với các dự án công ty đang triển khai chuyển tiếp từ năm 2014: Tập trung thi công bảo đảm tiến độ, chất lượng các công trình hiện có như Dự án cải tạo mở rộng quốc lộ 1A, dự án Trung tâm thông tin Miền trung Tây nguyên, một số phần việc ký thầu phụ với Licogi 16 tại Formosa, chỉ đạo đề kiên quyết để dứt điểm các tồn tại của công trình Thủy điện Bản Chát.

- Đối với các dự án công ty sẽ triển khai năm 2015:

+ Dự án BOT 38: Tập trung trong công tác chỉ đạo thực hiện dự án, thực hiện lựa chọn thầu phụ chuyên nghiệp có năng lực để tổ chức thi công bảo đảm tiến độ, chất lượng và có giá cả phù hợp để mang lại hiệu quả tối đa cho Công ty.

- Mỏ đá Sao Thổ Hà Tĩnh:

+ Xây dựng cụ thể phương án tổ chức bộ máy để khai thác và sản xuất và phương án trực chờ sản xuất.

+ Tập trung mọi nguồn lực và quyết liệt để tổ chức khai thác, sản xuất ngay sau khi có giấy phép khai thác.

+ Tập trung khai thác nguồn hàng và cung cấp đá xây dựng đầy đủ, đảm bảo tiến độ yêu cầu của Licogi 16, đồng thời mở rộng thị trường để có phương án tổ chức sản xuất và kinh doanh phù hợp.

+ Tăng cường quan hệ, tìm bạn hàng, đối tác để huy động tối đa các máy công trình hiện có tại khu vực miền Trung để cho thuê.

- Công tác Quản lý điều hành:

+ Tiến hành lập kế hoạch chi phí cho mọi dự án và đề ra các biện pháp đảm bảo thực hiện nhằm tối đa hóa và tiết kiệm chi phí sản xuất.

+ Xây dựng và áp dụng trong toàn công ty các quy trình công ty đã xây dựng ban hành trong công tác quản lý.

+ Đối với các ban điều hành, tăng cường công tác giao khoán nhằm tăng tính chủ động trong sản xuất và điều hành.

+ Rà soát và xây dựng các quy trình quản lý xe máy thiết bị để nâng cao năng lực quản lý xe máy thiết bị trong toàn công ty.

- Công tác thanh, quyết toán và thu hồi vốn:

+ Tập trung rà soát toàn bộ hồ sơ các công trình, hạng mục, công việc đã hoàn thành để hoàn thiện hồ sơ, đơn đốc thanh toán và thu hồi công nợ và có phương án cụ thể về phương án thu hồi công nợ.

+ Công trình Thủy điện Bản Chát: Chỉ đạo, phân công cụ thể cho các phòng, các cán bộ cụ thể để hoàn thành hồ sơ chất lượng, hồ sơ thanh quyết toán, thu vốn.

+ Công trình Cải tạo, mở rộng Quốc lộ 1A: Tập trung thi công dứt điểm từng hạng mục, phân việc bảo đảm tiến độ, chất lượng và phối hợp chặt chẽ với các bên có liên quan hoàn thành sớm hồ sơ chất lượng, các phiếu gia thanh toán; hạn chế tối đa việc tồn đọng vốn do vật tư tồn kho, do khối lượng đã thi công xong chưa được nghiệm thu để thanh toán.

+ Dự án BOT 38: Tập trung trong công tác thu vốn với mục tiêu làm đến đâu thanh toán khối lượng dứt điểm đến đó để giảm áp lực vốn vay.

+ Các dự án khác: Cảng Sông Hậu, TTX Miền trung Tây nguyên.... Tập trung thi công đồng thời lập hồ sơ thanh toán kịp thời để thanh toán với Chủ đầu tư, thầu chính.

- Duy trì và phát triển các mối quan hệ với các đối tác, tăng cường công tác Marketing tìm kiếm việc làm.

- Công tác nhân sự:

+ Phát huy tính chủ động sáng tạo của mỗi thành viên trong Ban Tổng giám đốc, CBCNV trong toàn Công ty.

+ Tổ chức sắp xếp lại nhân sự, lao động và tiền lương từ các Ban điều hành, đơn vị sản xuất và khối cơ quan Công ty.

+ Rà soát, xem xét chi phí quản lý chung toàn Công ty, tăng cường công tác khoán quản để giảm thiểu tối đa các chi phí không hợp lý.

+ Thực hiện tiết kiệm chi phí trong quản lý (ngoài chi phí trả lương) trong toàn Công ty như: Sử dụng điện, nước, điện thoại, Internet, văn phòng phẩm, công tác phí, xe ô tô...

+ Tiếp tục xây dựng và ban hành các quy trình, quy chế phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2015 và các năm tiếp theo.

+ Triển khai các chương trình đào tạo từ bên thứ 2 và Công tác đào tạo nội bộ.

+ Triển khai các chương trình hoạt động nhằm nâng cao đời sống tinh thần và điều kiện làm việc của người lao động.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2014

- Trong năm 2014, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp mở rộng của Hội đồng quản trị công ty.

- Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và công ty trong quản trị của Hội đồng quản trị, điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc công ty, cụ thể:

+ Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong năm 2014 theo quy định của Pháp luật và Công ty.

+ Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

+ Kiểm tra giám sát việc triển khai việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

+ Thăm tra báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính phù hợp với quy định, chuẩn mực chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam.

+ Kiểm soát việc tuân thủ các quy định và công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Pháp luật.

2. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, quý năm theo quy định của Điều lệ công ty. Hội đồng quản trị đã thông qua nhiều quyết định bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị năm qua phù hợp với quy định của Pháp luật và đáp ứng tiên độ với yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.

- Hội đồng quản trị đã Ban hành nhiều nghị quyết và quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Các Nghị quyết và Quyết định được ban hành đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy định của Pháp luật. Trong đó Ban kiểm soát đánh giá cao quyết định của Hội đồng quản trị liên quan đến việc tái cấu trúc toàn diện Công ty thông qua việc bố trí sắp xếp lại đội ngũ lãnh đạo cấp cao, bố trí sắp xếp lại các phòng

ban công ty, yêu cầu Ban điều hành thực hiện nhiều biện pháp tích cực để tiết giảm chi phí và tăng cường hiệu quả của hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh.

3. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng giám đốc

- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014:

Trong năm 2014 mặc dù Ban Tổng giám đốc có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch đề ra, doanh thu chỉ đạt 36% kế hoạch năm với mức lợi nhuận âm, các chỉ tiêu quan trọng khác không đạt theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 thông qua.

- Công tác tài chính kế toán: Trong năm công ty tuyển dụng 01 nhân sự thực hiện công tác tài chính nhằm tập trung vào việc đánh giá, phân tích rủi ro, sắp xếp nguồn tài chính tự có và nguồn tài trợ để hoạt động SXKD không bị gián đoạn. Công tác kế toán đảm bảo đúng quy định và chuẩn mực.

- Công tác đầu tư: Năm 2014 do không triển khai dự án mới, Dự án mỏ đá Sao Thổ chưa được cấp phép nên công tác đầu tư không tiến hành theo kế hoạch.

- Công tác nhân sự: Ban điều hành đã đề nghị Hội đồng phê duyệt sơ đồ tổ chức hoạt động mới, bố trí sắp xếp lại nhân sự trong toàn công ty đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, quản lý điều hành công ty trong giai đoạn hiện nay.

- Công tác báo cáo: Công ty đã chấp hành tốt qui định về công bố thông tin đối với Công ty niêm yết. Các báo cáo được công bố kịp thời, đăng tải đầy đủ trên website Công ty, tạo điều kiện cung cấp thông tin chính thống cho cổ đông và nhà đầu tư.

4. Thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2014

- Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

- Các Báo cáo tài chính quý, năm được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị đã được UBCKNN chấp thuận kiểm toán các công ty niêm yết.

- Ý kiến của kiểm toán viên về Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty là ý kiến chấp thuận toàn bộ. Các báo cáo tài chính năm 2014 đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính công ty đến 31/12/2014, kết quả hoạt động sản

xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm 2014, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam các quy định hiện hành có liên quan.

5. Nhận xét đánh giá:

- Ban kiểm soát đánh giá cao sự nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể Cán bộ công nhân viên công ty trong việc định hướng, điều hành và thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình trong toàn bộ hoạt động của mình.

- Trong năm Ban kiểm soát không nhận được đơn thư kiến nghị hoặc đề xuất của cổ đông đề nghị kiểm tra, xác minh các vấn đề có liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành của công ty.

- Tuy năm 2014 rất khó khăn nhưng ban điều hành đã nỗ lực duy trì công việc cho người lao động và không nợ lương người lao động.

- Công ty tập trung vào công tác đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ nhằm tăng hiệu quả quản lý.

6. Kiến nghị:

- Hoàn thiện hồ sơ đầu tư mỏ đá Sao Thổ; rà soát, lập quyết toán các hạng mục đầu tư đã hoàn thành, lập dự toán tổng thể - chi tiết, tiến độ đầu tư, tính toán lại các thông số về sản lượng khai thác kinh doanh, chi phí khai thác, giá thành, đơn giá bán và đơn giá khoán khai thác theo sản lượng để xác định hiệu quả. Bám sát việc xin giấy phép hoạt động mỏ đá Sao Thổ đảm bảo không phát sinh rủi ro lỗ cho năm 2015.

- Đề nghị công ty tập trung cho công tác thu hồi công nợ.

- Tiết tực rà soát để tiết giảm chi phí.

- Tăng cường công tác marketing tìm kiếm việc làm.

- Hoàn thiện quy chế, quy trình quản lý

- Tăng cường hiệu quả kế toán quản trị, hệ thống phân tích, đánh giá, dự báo rủi ro.



LCS

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài sản:

Kết thúc năm tài chính 2014, tổng tài sản của Công ty đạt 156 tỷ đồng, giảm 45 tỷ đồng so với năm 2013. Trong đó, các chỉ tiêu có sự biến động lớn trong năm 2014 bao gồm:

Nhóm tài sản giảm dẫn đến tổng tài sản giảm:

- Tiền và tương đương tiền giảm 1,5 tỷ đồng
- Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 22 tỷ đồng, trong đó chủ yếu từ việc giảm phải thu khách hàng do dư nợ phải thu từ Công ty CP Licogi 16 giảm 11,7 tỷ đồng; dư nợ phải thu Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng giảm 9,6 tỷ đồng; dư nợ phải thu từ Công ty CP Licogi 13 giảm 1,3 tỷ đồng.

- Hàng tồn kho giảm 12 tỷ đồng chủ yếu là do việc ghi nhận chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ của hạng mục đập dâng không tràn và bê tông đĩnh đập thuộc công trình Bản Chát vào giá vốn trong năm 2014.

- Tài sản cố định giảm 8 tỷ đồng chủ yếu do tài sản thanh lý và khấu hao trích trong năm.

- Chi phí trả trước dài hạn giảm 5 tỷ đồng do việc ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đối với khoản chi phí giai đoạn đầu tư dự án mỏ đá Sao Thổ chủ yếu bao gồm chi phí bóc tầng phủ được phân bổ vào chi phí trong năm do không thỏa mãn điều kiện vốn hóa.

Nhóm tài sản tăng trong khi tổng tài sản giảm:

- Tài sản ngắn hạn khác tăng 4 tỷ đồng chủ yếu do khoản tạm ứng cho nhân viên mua hàng

Từ những tăng giảm các khoản thuộc tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn nêu trên đã làm thay đổi cơ cấu của tài sản như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2014	Năm 2013
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	66%	67%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	34%	33%

Cơ cấu tài sản ngắn hạn và dài hạn gần như không thay đổi giữa năm 2014 và 2013 do tỷ lệ giảm của tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn là tương đương.

2. Tình hình nợ phải trả

Trong năm 2014, do tình hình sản xuất kinh doanh và hình hình tài chính gặp nhiều khó khăn, gần như tất cả các khoản công nợ đều bị quá hạn và thanh toán chậm hơn so với thỏa thuận với người bán nhưng chưa có khoản nợ phải trả nào bị đánh giá là nợ xấu. Kết thúc năm tài chính 2014, nợ phải trả của Công ty là 94 tỷ đồng giảm 8 tỷ so với năm 2013. Các yếu tố làm giảm nợ phải trả bao gồm:

- Nợ ngắn hạn giảm 6,5 tỷ đồng do:

- + Phải trả người bán giảm 4,7 tỷ đồng do nhu cầu đầu vào năm 2014 của Công ty giảm so với năm 2013. Điều này phù hợp với doanh thu và tình hình sản xuất kinh doanh của năm 2014.

- + Phải trả người lao động giảm 3,7 tỷ đồng do sự cắt giảm nhân viên năm 2014 so với năm 2013 để phù hợp với quy mô và nhu cầu nhân sự của các công trình.

- + Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác tăng 2,6 tỷ đồng chủ yếu do chi phí bảo hiểm xã hội, y tế chưa được thanh toán.

- + Và một số khoản tăng giảm khác làm cho nợ phải trả giảm 0,4 tỷ đồng

- Nợ dài hạn giảm 1,5 tỷ đồng do dư nợ vay và nợ dài hạn ngân hàng được chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả.

3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán hiện hành	1,13	1,38
- Hệ số thanh toán nhanh	0,97	1,11
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,6	0,5
- Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,4	0,5
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay hàng tồn kho	5	3
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,44	0,32

- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các hệ số thanh toán năm 2014 đều giảm so với năm 2013 cho thấy khả năng thanh toán của Công ty năm 2014 giảm so với năm 2013. Tuy nhiên, hệ số thanh

toán hiện hành vẫn đạt mức trên 1, hệ số thanh toán nhanh đạt xấp xỉ 1 cho thấy Công ty vẫn có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn và khả năng thanh toán của Công ty vẫn đảm bảo ở mức rất an toàn đối với các khoản nợ.

- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Năm 2013, chỉ tiêu về cơ cấu vốn khá cân bằng với tỷ suất nợ là 50.37%, tỷ suất tự tài trợ là 49.63 % cho thấy Công ty duy trì được tính tự chủ về tài chính ở mức an toàn. Tuy nhiên, năm 2014, tỷ suất nợ là 60% , tỷ suất tự tài trợ là 40% cho thấy sự giảm về khả năng tự trả nợ của Công ty

- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho năm 2014 (5 lần) tăng mạnh so với năm 2013 (3 lần) cho thấy tính tốc độ luân chuyển tăng nhanh của hàng tồn kho. Tuy nhiên, sự tăng mạnh về vòng quay hàng tồn kho chủ yếu là do việc ghi giảm giá trị xây dựng cơ bản dở dang của bản Chát và một số chi phí đầu tư vào mỏ đá Sao Thổ vào giá vốn trong năm 2014.

Chỉ tiêu doanh thu thuần/tổng tài sản năm 2014 tăng 12% so với năm 2013 cho thấy hiệu suất sinh lời trên mỗi một đơn vị tài sản của năm 2014 hiệu quả hơn so với năm 2013. Tuy nhiên, việc tăng này xuất phát từ việc tổng tài sản năm 2014 giảm mạnh so với năm 2013.

4. Giá trị sổ sách của công ty

Trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2014, Vốn chủ sở hữu của Công ty là tại thời điểm 31/12/2014 được phản ánh như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2014	62.729.391.430 đồng
2	Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	7.600.000 cổ phần
3	Giá trị sổ sách của cổ phiếu LCS	8.253,87 đồng/cổ phần

5. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 đã được kiểm toán

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Thực hiện năm 2014	Thực hiện năm 2013
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	79.211.365.430	82.025.687.14 9
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và	21.1	79.211.365.430	82.025.687.14



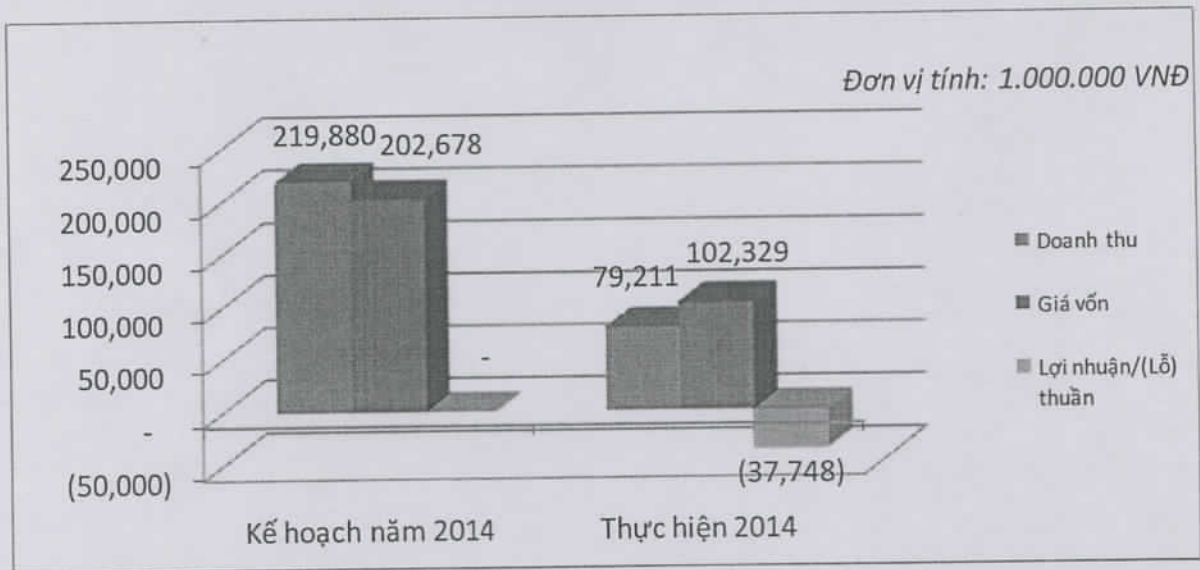
LCS

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

	cung cấp dịch vụ			9
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(102.328.828.539)	(67.824.924.696)
20	5. (Lỗ)/lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(23.117.463.109)	14.200.762.453
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	33.248.224	42.406.099
22	7. Chi phí tài chính	23	(5.011.965.096)	(3.047.705.025)
23	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>		(5.011.965.096)	(5.601.880.588)
24	8. Chi phí bán hàng		(210.228.081)	(1.056.440.496)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(9.441.354.481)	(10.027.782.010)
30	10. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(37.747.762.543)	111.241.021
31	11. Thu nhập khác	24	1.501.818.181	2.836.363.636
32	12. Chi phí khác	24	(1.455.521.787)	(2.396.583.846)
40	13. Lợi nhuận khác	24	46.296.394	439.779.790
50	14. Tổng (lỗ)/lợi nhuận thuần trước thuế		(37.701.466.149)	551.020.811
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	-	(196.350.970)
60	16. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN		(37.701.466.149)	354.669.841
70	17. (Lỗ)/lãi trên cổ phiếu	28		
	<i>(Lỗ)/lãi cơ bản</i>		(4.961)	47
	<i>(Lỗ)/lãi suy giảm</i>		(4.961)	47

Doanh thu năm 2014 giảm nhẹ (2,8 tỷ đồng tương đương với 3%) so với năm 2013 trong khi giá vốn tăng mạnh (34,5 tỷ đồng tương đương với 51%) và các chi phí doanh thu khác gần như không có biến động lớn. Điều này dẫn tới khoản lỗ thuần lên tới 37 tỷ đồng. Nguyên nhân là do trong năm 2014, giá vốn thực tế của một số công trình đã được ghi nhận trong khi không có doanh thu: Chi phí bóc tầng phủ ở mỏ đá ở Kỳ Anh với số tiền là 5,2 tỷ đồng; chi phí Sao Thổ là 5,9 tỷ đồng; chi phí công trình Bản Chát là 14 tỷ đồng.

b. Phân tích kết quả sản xuất kinh doanh thực tế năm 2014 so với kế hoạch năm 2014.



Sản lượng, doanh thu thực hiện đều rất thấp chỉ bằng gần 40% so với NQ ĐHĐCD, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh lỗ 37,7 tỷ đồng.

Chi tiết sản lượng, doanh thu, lợi nhuận như sau:

Đơn vị tính: 1.000.000 VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2014	Thực hiện năm 2014
1	Sản lượng	217.553	89.764
	- Thi công xây lắp	130.769	20.114
	- Kinh doanh và cho thuê tài sản	42.945	69.650
	- Sản xuất vật liệu Xây dựng	43.839	-
2	Doanh thu	219.880	79.211
	- Thi công xây lắp	135.355	15.712
	- Kinh doanh và cho thuê tài sản	43.839	63.499
	- Sản xuất vật liệu Xây dựng	41.578	-
3	Lợi nhuận/(Lỗ) thuần	-	(37.747)

c. Đánh giá nguyên nhân không đạt các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra

- Doanh thu thực hiện ở mức thấp do Ban điều hành chưa có biện pháp ứng phó kịp thời để bù đắp thay thế với giá trị sản lượng công trình đã đề ra theo kế hoạch nhưng chưa thể đủ điều kiện để thi công năm 2014 như : Công trình quốc lộ 1A chưa có mặt bằng để thi công, Công trình Sông Hậu dời tiến độ sang năm 2015 vì còn phải chờ công tác đấu thầu của chủ đầu tư, công tác khai thác đá tại mỏ đá Sao Thổ không được thực hiện do UBND Tỉnh Hà Tĩnh không cấp



LCS

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

phép khai thác cho Công ty TNHH Sao Thổ - Công ty đã ký hợp đồng hợp tác để khai thác đá với đơn vị.

- Một số công trình không được thực hiện theo kế hoạch nên doanh thu năm 2014 chủ yếu là hoạt động kinh doanh đá và cho thuê máy móc thiết bị chiếm tỷ lệ 80% trên tổng doanh thu thực hiện, tuy nhiên lợi nhuận gộp từ hoạt động này thấp chỉ đủ bù đắp một phần chi phí quản lý.

- Ban điều hành không quyết liệt chỉ đạo thi công, hoàn thiện công tác nghiệm thu thanh toán và hoàn tất hồ sơ thủ tục quyết toán công trình bản chất. Việc phải kéo dài thời gian hoàn thiện công tác nghiệm thu thanh toán tại công trình bản chất làm tăng chi phí sản xuất.

- Các khoản lỗ tiềm ẩn của năm 2013 tại công trình Bản Chát và công trình By - Product Area Formosa chưa được phản ánh đầy đủ làm cho giá vốn năm 2014 tăng theo đó lợi nhuận sụt giảm mạnh.

- Tính đến 31/12/2014 Công ty đã đầu tư vào mỏ đá sao thổ với giá trị hơn 53 tỷ. Việc UBND Tỉnh Hà Tĩnh chưa cấp phép khai thác cho mỏ đá sao thổ đã làm ảnh hưởng rất lớn đến tình hình tài chính của Công ty. Do vậy toàn bộ chi phí hoạt động của Ban điều hành mỏ đá Sao Thổ trong 2 năm 2013, năm 2014 và chi phí bóc tầng tầng phủ mỏ đá được phản ánh vào giá vốn năm 2014.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí lãi vay vẫn còn ở mức cao do Ban điều hành chưa chú trọng đến việc kiểm soát và tiết giảm chi phí và do dư nợ phải thu của Công ty mẹ tại Công trình Bản Chát lớn làm chi phí lãi vay tăng.

- Việc xây dựng quy định, quy trình chưa triệt để, ban hành chưa kịp thời dẫn đến tình trạng bộ máy hoạt động chưa hiệu quả, chưa sử dụng tối đa từng năng lực cá nhân trong tổ chức, sự kết nối từng vị trí trong công ty chưa được tốt.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Đơn vị kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: 04 38315100 Website: www.ey.com/vn

2. Ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Licogi 166 (“Công ty”) được lập ngày 24 tháng 3 năm 2015 và được trình bày từ trang 6 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc

nhằm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Các nhận xét đặc biệt (thư quản lý): Không có

II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN (Phụ lục kèm theo báo cáo)

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh báo cáo tài chính



LICOGI 166

LCS BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. Công ty cổ phần LICOGI 16

Công ty Cổ phần Licogi 16 là thành viên sáng lập của Công ty. Hiện nay, Công ty Cổ phần Licogi 16 đang nắm giữ 4.307.753 cổ phần của Công ty tương ứng với tỷ lệ 56,68 % tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.

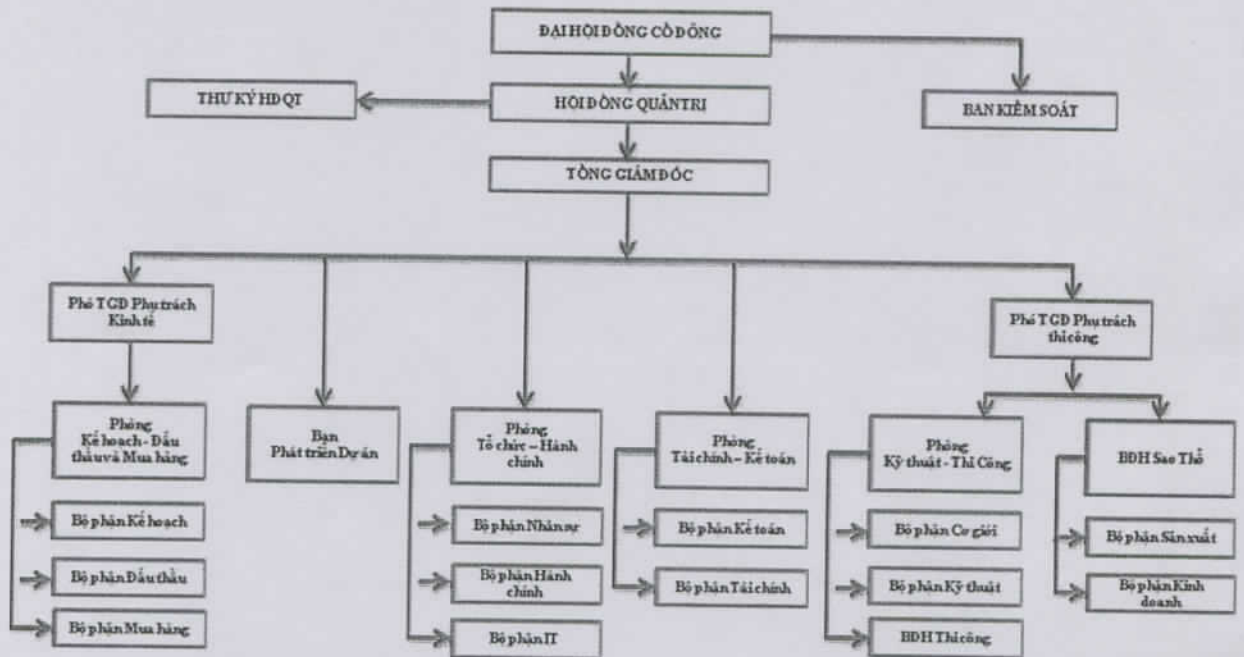
Công ty Cổ phần Licogi 16 đã đăng ký niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là LCG.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

I. CƠ CẤU TỔ CHỨC NHÂN SỰ

1. Sơ đồ tổ chức

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166



2. Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

3. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt ĐHCĐ quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

4. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

5. Ban Tổng Giám đốc

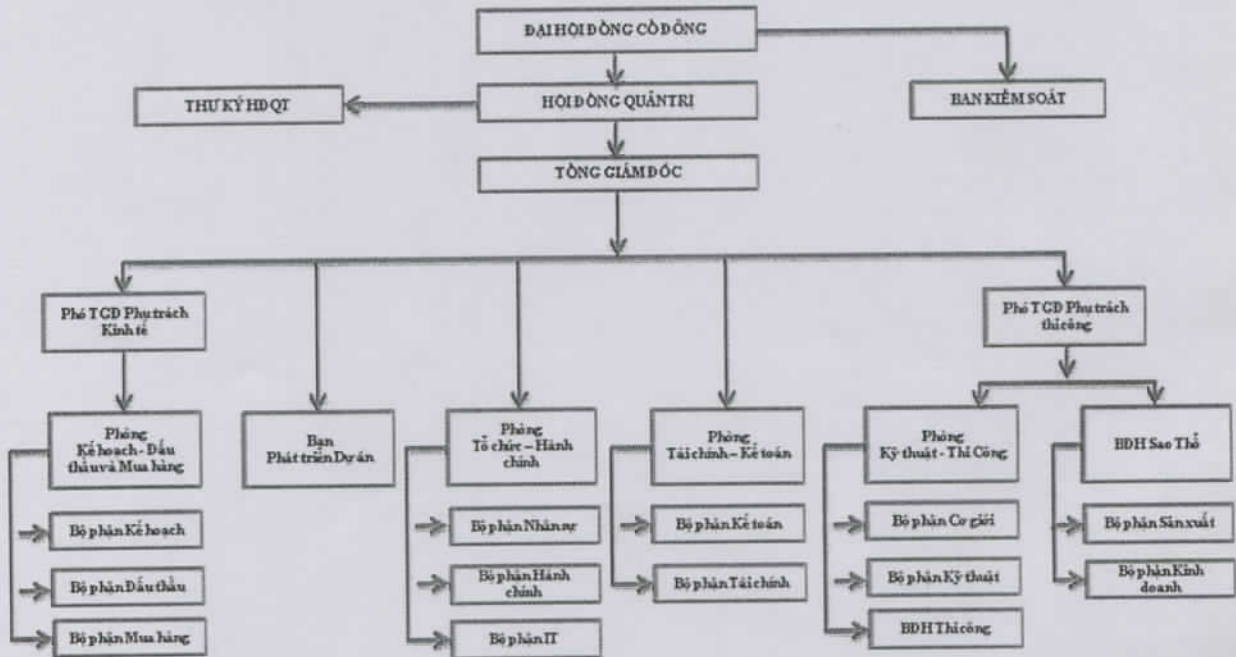
Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm. Tổng Giám đốc là người đại

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

I. CƠ CẤU TỔ CHỨC NHÂN SỰ

1. Sơ đồ tổ chức

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166



2. Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

3. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt ĐHĐCĐ quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

4. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

5. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm. Tổng Giám đốc là người đại

diện theo pháp luật của Công ty và là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

6. Các phòng nghiệp vụ của Công ty

a. Phòng Kế hoạch Đấu thầu Mua hàng

Phòng Kế hoạch Đấu thầu Mua hàng là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ được thành lập trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Phòng Kế hoạch Đấu thầu Mua hàng của Công ty là phòng chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu và thực hiện các công việc trong các lĩnh vực Kinh tế, Kế hoạch, Đấu thầu, Mua hàng, Phòng Kế hoạch Đấu thầu Mua hàng do 1 Phó Tổng Giám đốc Phụ trách.

b. Phòng Kỹ thuật - Thi công

Phòng Kỹ thuật – Thi công là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ của công ty, thành lập trên cơ sở nghị quyết của HĐQT.

Phòng Kỹ thuật – Thi công có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc và thực hiện các công việc trong các lĩnh vực sau:

- Quản lý dự án bao gồm: Tổ chức và triển khai dự án, quản lý kỹ thuật, khối lượng, chất lượng, tiến độ, an toàn.

- Quản lý máy móc thiết bị, vật tư, nguyên nhiên vật liệu, công cụ, dụng cụ phục vụ sản xuất, thi công.

- Ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất.

Công ty thực hiện công tác tổ chức và triển khai các hoạt động thi công xây lắp, khoa học kỹ thuật và quản lý xe máy thiết bị của Công ty. Phòng Kỹ thuật – Thi công do 01 Phó Tổng Giám đốc phụ trách.

c. Phòng Tài chính – Kế toán

Phòng Kế toán- Tài chính là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ của công ty được thành lập trên cơ sở nghị quyết của HĐQT. Phòng Tài chính – Kế toán của có chức năng tham mưu và thực hiện các công việc trong các lĩnh vực sau:

- Công tác tài chính;

- Công tác kế toán;

- Kiểm soát các chi phí hoạt động của Công ty;

- Quản lý vốn, tài sản của Công ty, tổ chức, chỉ đạo công tác kế toán trong toàn Công ty.

d. Phòng Tổ chức – Hành chính



LCS BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

Phòng Tổ chức – Hành chính là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ của công ty được thành lập trên cơ sở nghị quyết của HĐQT.

Phòng Tổ chức – Hành Chính có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc thực hiện các công việc trong các lĩnh vực sau:

- Công tác tổ chức, nhân sự;
- Công tác Hành chính, văn phòng.

d. Ban phát triển dự án:

Ban phát triển dự án là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu và thực hiện các công việc trong công tác tiếp thị đấu thầu, quảng bá hình ảnh, xây dựng thương hiệu, tìm kiếm thông tin, tìm kiếm dự án tạo việc làm cho Công ty.

e. Các Ban điều hành Công trường: Là các đơn vị trực tiếp triển khai thực hiện các dự án thi công xây lắp và sản xuất của công ty sau khi hợp đồng được ký kết.

II. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

1. Thành phần Ban Tổng Giám đốc công ty

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	CHỨC VỤ
Ông Vũ Công Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Đình Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Long Hưng	Phó Tổng Giám đốc

2. Tóm tắt lý lịch các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc

- Ông Vũ Công Hưng – Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 18/12/1973

Nơi sinh: Hải Dương

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Phòng B2410, nhà B chung cư 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Tp Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh, Kỹ sư xây dựng

- Ông Vũ Đình Dũng – Phó Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 27/12/1958

Nơi sinh: Hải Dương

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam



LCS BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

Địa chỉ thường trú: P. 303 - A11 - Thanh Xuân Bắc - Thanh Xuân - Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế xây dựng

- Ông Nguyễn Long Hưng - Phó Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 20/8/1972

Nơi sinh: Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: TT Xí nghiệp cơ giới 13, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí - chuyên ngành Máy xây dựng

3. Thay đổi thành viên Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2014, Công ty có sự thay đổi số lượng thành viên Ban Tổng Giám đốc, do có sự thay đổi mô hình tổ chức và hoạt động của Công ty như sau:

- Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty đối với Ông Nguyễn Quốc Đồng ngày 2/12/2014.
- Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Tài Chính đối với ông Trần Đình Tuấn ngày 2/12/2014.
- Miễn nhiệm chức Giám đốc Khối Sản xuất xuất và bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Long Hưng ngày 2/12/2014.
- Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Kinh tế và bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Vũ Đình Dũng ngày 2/12/2014.
- Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Kỹ thuật và bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Ban phát triển dự án đối với ông Trần Hoàng Châu ngày 2/12/2014.

4. Chính sách đối với người lao động

- Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Trên cơ sở chế độ chung, Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày và 5,5 ngày/tuần. Tuy nhiên, thời gian làm việc tại các công trường sẽ được bố trí phù hợp với yêu cầu thi công trên cơ sở tuân thủ các quy định của Luật lao động.

Nghỉ Lễ, Tết, phép: Toàn thể CBCNV của Công ty được nghỉ Lễ, Tết và phép theo đúng Quy định của Luật lao động.

Điều kiện làm việc: Đối với lao động gián tiếp: Người lao động làm việc tại Văn phòng Công ty tại Tầng 4 Tòa nhà JSC34, ngõ 164 đường Khuất Duy

Tiến, Quận Thanh Xuân, Hà Nội được trang bị khang trang hiện đại; đối với lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ dụng cụ và phương tiện bảo hộ theo đúng yêu cầu của Pháp luật.

- Chính sách đào tạo:

Xác định sự phát triển bền vững của Công ty chính đội ngũ CBCNV tâm huyết có trình độ chuyên môn, kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, do vậy Công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất. Trong năm qua, Công ty đã hỗ trợ kinh phí đào tạo cho CBCNV trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật.

Trong năm 2014 cũng như trong những năm tiếp theo Công ty vẫn sẽ dành nguồn ngân sách cố định định cho hoạt động đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động, đưa chính sách này trở thành chính sách đãi ngộ để thu hút người lao động.

- Chính sách lương:

Công ty xây dựng và thực hiện chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề, đảm bảo người lao động hưởng mức lương tương xứng với công sức đóng góp, trình độ nghiệp vụ chuyên môn, kinh nghiệm của mỗi người và phù hợp với các quy định của Nhà nước.

- Chính sách thưởng:

Ngoài việc trả lương hàng tháng cho người lao động, hàng Quý, công ty đều xếp loại lao động dựa theo các chỉ tiêu năng suất, kỹ luật để khen thưởng, mức thưởng cho mỗi CBCNV bình quân từ nửa tháng đến một lương/quý.

Công ty còn xây dựng quỹ khen thưởng đặc biệt của Giám đốc, để khen thưởng đột xuất, kịp thời đối với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong sáng kiến lao động sản xuất ...

- Chính sách phúc lợi và chăm sóc người lao động:

Quan tâm đến phúc lợi của người lao động, ngoài việc đóng Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm xã hội, công ty còn mua Bảo hiểm tai nạn lao động, Lãnh đạo Công ty cùng Ban chấp hành Công đoàn thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên, trợ cấp, tặng quà cho gia đình CBCNV khi gặp khó khăn, hoạn nạn hoặc hiếu hỷ. Khi điều kiện sản xuất cho phép Công ty thường tổ chức các chuyến đi du lịch, nghỉ dưỡng cho CBCNV trung bình mỗi năm một lần.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. Cơ cấu

a. Ủy viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Ông Vũ Công Hưng	Chủ tịch	
Ông Bùi Dương Hùng	Ủy viên	Ủy viên độc lập
Ông Nguyễn Quốc Đồng	Ủy viên	Ủy viên độc lập
Ông Vũ Đình Dũng	Ủy viên	Kiểm Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Tuấn	Ủy viên	Ủy viên độc lập
Ông Lê Văn Hoạch	Ủy viên	Ủy viên độc lập

Hoạt động của Hội đồng quản trị tuân thủ theo Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Hội đồng quản trị đề ra chủ trương, chỉ tiêu kế hoạch hàng năm và dài hạn trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt thông qua, Hội đồng quản trị chỉ đạo và điều hành Ban Tổng Giám đốc công ty tổ chức thực hiện.

HDQT Công ty không thành lập các tiểu ban mà phân công từng thành viên HDQT phụ trách từng phần công việc cụ thể như: phụ trách đầu tư, xây dựng cơ bản, Tổ chức nhân sự, Tài chính ...

Ông Vũ Công Hưng – Chủ tịch HDQT

Ngày tháng năm sinh: 18/12/1973

Địa chỉ thường trú: Phòng B2410, nhà B chung cư 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh, Kỹ sư xây dựng.

Ông Bùi Dương Hùng – Ủy viên Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh: 02/9/1958

Địa chỉ thường trú: Số 4A, khu nhà ở thấp tầng LICOGI 13, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Ông Nguyễn Quốc Đồng - Ủy viên Hội đồng Quản trị



LCS BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

Ngày tháng năm sinh: 31/08/1979
Địa chỉ thường trú: D120, Chung cư đường số 20, phường 5, Gò Vấp,
Tp.HCM

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi, Thạc sỹ QTKD

Ông Trần Đình Tuấn – Ủy viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh: 20/08/1958
Địa chỉ thường trú: Số 25 - D6, Thanh Xuân Bắc, Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngành Kế toán

Ông Vũ Đình Dũng – Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc.

Ngày tháng năm sinh: 27/12/1958
Địa chỉ thường trú: P. 303 - A11 - Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Xây dựng

Ông Lê Văn Hoạch – Ủy viên Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh: 18/8/1959
Địa chỉ thường trú: Số 23-D6 Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy thủy lực, Cử nhân Kinh tế, Lý luận chính trị cao cấp.

b. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Bà Nguyễn Thị Thủy	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Anh Tú	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Hương	Thành viên	

Ban Kiểm soát hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Được quyền xem xét, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty bảo đảm tính chính xác, trung thực về tình hình hoạt động của Công ty, nhằm đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư.

Hàng năm Ban Kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét quyết định.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị.

Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đã định kỳ tổ chức họp nhằm đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời nắm bắt và chỉ đạo xử lý các vấn đề vướng



LCS

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

mắc. Để linh hoạt trong quản lý, điều hành, một số trường hợp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình bằng hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng bằng văn bản.

Trong năm 2014, Hội đồng quản trị đã thống nhất thông qua nhiều nghị quyết, quyết định và các tài liệu quan trọng liên quan đến cơ cấu tổ chức và định hướng phát triển của Công ty, nổi bật như sau:

- Chỉ đạo sát sao Ban điều hành trong quá trình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, đầu tư mà Đại Hội đồng cổ đông Công ty đặt ra.

- Trên cơ sở phân tích tình hình tài chính thực tế và tập trung vào lĩnh vực SXKD chính của công ty là Xây lắp và Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng. Hội đồng quản trị đã kịp thời điều chỉnh công tác đầu tư một cách linh hoạt để công ty có dòng tiền phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Để đảm bảo mọi hoạt động của công ty luôn theo định hướng chung và được kiểm soát có hiệu quả nhằm tối đa hóa quyền lợi của cổ đông, công khai minh bạch mọi hoạt động, Năm 2014 là năm đánh dấu việc thay đổi mô hình hoạt động của công ty để phù hợp với tình hình thực tế, tăng cường hiệu quả của công tác điều hành sản xuất kinh thông qua việc phê duyệt sơ đồ tổ chức hoạt động mới của Công ty, sắp xếp, cơ cấu lại các phòng ban, tiến hành tinh giảm biên chế. Bước đầu của hoạt động này cho thấy hiệu quả làm việc của cá nhân người lao động, cơ chế vận hành của các phòng ban nói riêng và toàn công ty nói chung đã có chuyển biến rất tích cực.

3. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2014, Ban Kiểm Soát đã định kỳ thực hiện công tác kiểm tra kiểm soát tình hình hoạt động của Công ty bao gồm các nội dung:

- Thẩm định báo cáo tài chính;
- Xác định tình hình thực hiện kế hoạch SXKD;
- Kiểm tra việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên;
- Xem xét việc ban hành nghị quyết, quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc;
- Xem xét việc thực hiện chế độ tài chính kế toán, công tác quản lý kinh tế và các mặt hoạt động khác có liên quan trong quá trình hoạt động của công ty.

4. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Căn cứ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2014 do kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch đề ra, Công ty không chi trả thù lao đối với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng tại thời 6/04/2015 (thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 theo danh sách Tổng hợp người sở hữu chứng khoán do VSD cấp ngày 9/4/2015 số V394/2015-LCS/VSD-ĐK) được thống kê như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	SLCP	Tỷ lệ/ VDL
1	Vũ Công Hưng	Chủ tịch HĐQT/TGĐ	85.000	1,12%
2	Bùi Dương Hùng	UV HĐQT	0	0%
3	Nguyễn Quốc Đồng	UV HĐQT	3.000	0,04%
4	Vũ Đình Dũng	UV HĐQT/Phó TGĐ	14.300	0,19%
5	Trần Đình Tuấn	UV HĐQT	4.000	0,05%
6	Lê Văn Hoạch	UV HĐQT	4.800	0,06%
7	Nguyễn Long Hưng	Phó TGĐ	0	0,0%
8	Nguyễn Thị Thuỷ	Trưởng BKS	3.000	0,04%
9	Nguyễn Anh Tú	Thành viên BKS	18.000	0,24%
10	Nguyễn Văn Hương	Thành viên BKS	0	0%
11	Hà Thị Huê	Kế toán trưởng	5.100	0,07%

6. Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông nội bộ và người có liên quan

a. Giao dịch cổ phiếu

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Long Hưng – Phó TGĐ		9.600	0.13%	0	0%	Bán

b. Các giao dịch khác: Không có

II. DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

1. Dữ liệu về cổ đông

Theo danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp ngày 9/4/2015, số liệu về cổ đông của Công ty được thống kê như sau:

Tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty: 7.600.000 cổ phần

Tổng số cổ đông của Công ty: 413 cổ đông

Trong đó:

Cổ đông là tổ chức: 13 cổ đông nắm giữ 4.651.511 cổ phần

Cổ đông là cá nhân: 400 cổ đông nắm giữ 2.948.489 cổ phần

2. Thông tin về cổ đông nhà nước: Không có

3. Thông tin về cổ đông nước ngoài

T	Họ và tên	Số ĐKSH	Địa chỉ	Số CP nắm giữ
1	Browne Jeffrey Child	IA3630	12555 Green Meadow Pl., Elm Grove, WI 23122, USA	12.800
2	Sato Mitsuo	IA2154	4-3-11-404 Roppongi, Minato-ku, Tokyo, Japan	500
3	Wataru Miyazawa	IS3232	6-5-5-603 chuourinkan Ymatoshi, Kanagawa-ken, Japan	100
4	America LLC	CA5883	PO Box CR-56766 Suite NAS485, Nassau Bahamas	26.200
	Tổng cộng			39.600

4. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Khoản 5, Điều 84, Luật Doanh nghiệp: Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho



LCS BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

cổ đông sáng lập khác nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Sau thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

Như vậy tính tới thời điểm báo cáo, mọi hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập đều đã hết hiệu lực.

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2015

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



VŨ CÔNG HÙNG



Công ty Cổ phần Licogi 166

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 36



Công ty Cổ phần Licogi 166

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 166 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102264629 (số cũ: 0103017362) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu đầu vào ngày 18 tháng 5 năm 2007. Công ty cũng được cấp các Giấy Chứng nhận sửa đổi sau đó với thay đổi gần nhất là lần thứ 11, ngày 4 tháng 12 năm 2014.

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh là:

- ▶ Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị và kinh doanh bất động sản;
- ▶ Kinh doanh điện, nước, khí nén;
- ▶ Kinh doanh vận tải bằng ô tô;
- ▶ Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa ô tô;
- ▶ Kinh doanh ô tô và phụ tùng ô tô;
- ▶ Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ (trừ kinh doanh bất động sản);
- ▶ Các hoạt động dịch vụ: cho thuê thiết bị, cung cấp vật tư kỹ thuật, tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính), dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc thiết bị các sản phẩm cơ khí và kết cấu địa hình khác;
- ▶ Sản xuất kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng, gia công chế tạo kết cấu thép và các sản phẩm cơ khí; và
- ▶ Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng; các công trình điện, thông tin liên lạc, các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường; các công trình thông gió cấp nhiệt, điều hòa không khí; các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, nền móng công trình.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Công Hưng	Chủ tịch
Ông Bùi Dương Hùng	Thành viên
Ông Trần Đình Tuấn	Thành viên
Ông Vũ Đình Dũng	Thành viên
Ông Lê Văn Hoạch	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Đồng	Thành viên
Ông Trịnh Thế Dũng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2014)

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thủy	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Anh Tú	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hưởng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2014)

Công ty Cổ phần Licogi 166

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Công Hưng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 2 tháng 12 năm 2014)
Ông Nguyễn Quốc Đồng	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 2 tháng 12 năm 2014)
Ông Trần Hoàng Châu	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 2 tháng 12 năm 2014)
Ông Vũ Đình Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 2 tháng 12 năm 2014)
Ông Nguyễn Long Hưng	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Vũ Công Hưng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

058
IÁNH
TY
HỮU
YOL
NAM
HỘI
T.P.

Công ty Cổ phần Licogi 166

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 166 ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Vũ Công Hưng
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2015



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 60992763/16942598

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Licogi 166

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Licogi 166 ("Công ty") được lập ngày 24 tháng 3 năm 2015 và được trình bày từ trang 6 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

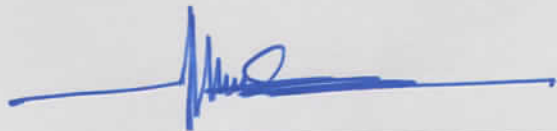
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1



Lê Đức Trường
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0818-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		103.423.582.542	135.434.672.872
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	2.627.951.289	4.163.666.116
111	1. Tiền		2.627.951.289	163.666.116
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	4.000.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		81.146.673.374	103.294.601.864
131	1. Phải thu khách hàng	5.1	64.211.364.342	87.926.153.232
132	2. Trả trước cho người bán	5.2	12.411.736.184	14.336.383.701
135	3. Các khoản phải thu khác	6	4.757.817.348	1.149.187.181
139	4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(234.244.500)	(117.122.250)
140	III. Hàng tồn kho	7	14.242.849.177	26.793.534.618
141	1. Hàng tồn kho		14.242.849.177	26.793.534.618
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		5.406.108.702	1.182.870.274
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		497.261.928	483.653.664
158	2. Tài sản ngắn hạn khác	8	4.908.846.774	699.216.610
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		53.314.144.200	67.031.718.707
220	I. Tài sản cố định		53.233.252.318	61.707.709.074
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	37.841.843.822	28.734.731.522
222	Nguyên giá		82.199.243.278	67.751.292.313
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(44.357.399.456)	(39.016.560.791)
230	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	15.391.408.496	32.972.977.552
260	II. Tài sản dài hạn khác		80.891.882	5.324.009.633
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	80.891.882	5.324.009.633
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		156.737.726.742	202.466.391.579

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		94.008.335.312	101.981.600.085
310	I. Nợ ngắn hạn		91.674.561.319	98.167.826.092
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	46.224.130.581	44.615.435.692
312	2. Phải trả người bán	13.1	20.664.780.793	25.381.499.365
313	3. Người mua trả tiền trước	13.2	584.161.499	2.448.004.523
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	941.775.684	1.538.417.002
315	5. Phải trả người lao động		1.540.391.212	5.263.851.644
316	6. Chi phí phải trả	15	2.071.904.436	480.026.020
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	11.573.117.627	8.887.617.253
320	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	17	6.914.970.174	7.386.184.946
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	1.159.329.313	2.166.789.647
330	II. Nợ dài hạn		2.333.773.993	3.813.773.993
333	1. Phải trả dài hạn khác		173.773.993	173.773.993
334	2. Vay và nợ dài hạn	19	2.160.000.000	3.640.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		62.729.391.430	100.484.791.494
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	62.729.391.430	100.484.791.494
411	1. Vốn cổ phần	20.1	76.000.000.000	76.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	20.1	7.616.480.409	7.616.480.409
417	3. Quỹ đầu tư phát triển	20.6	5.990.880.189	5.990.880.189
418	4. Quỹ dự phòng tài chính	20.6	3.172.355.934	3.172.355.934
420	5. (Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20.1	(30.050.325.102)	7.705.074.962
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		156.737.726.742	202.466.391.579

Đào Lan Tuyết
Người lập

Hà Thị Huệ
Kế toán trưởng


Vũ Công Hưng
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	79.211.365.430	82.025.687.149
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	79.211.365.430	82.025.687.149
11	3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(102.328.828.539)	(67.824.924.696)
20	4. (Lỗ)/lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(23.117.463.109)	14.200.762.453
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	33.248.224	42.406.099
22	6. Chi phí tài chính	23	(5.011.965.096)	(3.047.705.025)
23	Trong đó: chi phí lãi vay		(5.011.965.096)	(5.601.880.588)
24	7. Chi phí bán hàng		(210.228.081)	(1.056.440.496)
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(9.441.354.481)	(10.027.782.010)
30	9. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(37.747.762.543)	111.241.021
31	10. Thu nhập khác	24	1.501.818.181	2.836.363.636
32	11. Chi phí khác	24	(1.455.521.787)	(2.396.583.846)
40	12. Lợi nhuận khác	24	46.296.394	439.779.790
50	13. Tổng (lỗ)/lợi nhuận thuần trước thuế		(37.701.466.149)	551.020.811
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	-	(196.350.970)
60	15. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN		(37.701.466.149)	354.669.841
70	16. (Lỗ)/lãi trên cổ phiếu	28		
	(Lỗ)/lãi cơ bản		(4.961)	47
	(Lỗ)/lãi suy giảm		(4.961)	47


Đào Lan Tuyết
Người lập


Hà Thị Huệ
Kế toán trưởng



Vũ Công Hưng
Tổng Giám đốc


Ngày 24 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		105.221.010.776	348.823.223.759
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(86.372.662.262)	(302.705.857.612)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(15.714.903.860)	(15.338.116.129)
04	Tiền chi trả lãi vay		(4.872.750.051)	(5.624.043.463)
05	Tiền nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	26.2	(925.632.321)	(3.754.614.093)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.326.471.233	3.180.869.186
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.011.191.455)	(4.957.692.635)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(3.349.657.940)	19.623.769.013
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(26.925.911.757)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.652.000.000	3.120.000.000
25	Tiền thu từ bán các khoản đầu tư		-	12.144.518.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		33.248.224	42.406.099
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		1.685.248.224	(11.618.987.658)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		71.323.651.349	63.310.872.975
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(71.194.956.460)	(62.922.115.251)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(7.436.439.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		128.694.889	(7.047.681.676)
50	(Giảm)/tăng tiền thuần trong năm		(1.535.714.827)	957.099.679
60	Tiền tồn đầu năm		4.163.666.116	3.206.566.437
70	Tiền tồn cuối năm	4	2.627.951.289	4.163.666.116


Đào Lan Tuyết
Người lập


Hà Thị Huệ
Kế toán trưởng


Vũ Công Hưng
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Licogi 166 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102264629 (số cũ: 0103017362) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 5 năm 2007. Công ty cũng được cấp các Giấy Chứng nhận sửa đổi sau đó với thay đổi gần nhất là lần thứ 11, ngày 4 tháng 12 năm 2014.

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh là:

- ▶ Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị và kinh doanh bất động sản;
- ▶ Kinh doanh điện, nước, khí nén;
- ▶ Kinh doanh vận tải bằng ô tô;
- ▶ Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa ô tô;
- ▶ Kinh doanh ô tô và phụ tùng ô tô;
- ▶ Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ (trừ kinh doanh bất động sản);
- ▶ Các hoạt động dịch vụ: cho thuê thiết bị, cung cấp vật tư kỹ thuật, tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính), dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc thiết bị các sản phẩm cơ khí và kết cấu địa hình khác;
- ▶ Sản xuất kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng, gia công chế tạo kết cấu thép và các sản phẩm cơ khí; và
- ▶ Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng; các công trình điện, thông tin liên lạc, các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường; các công trình thông gió cấp nhiệt, điều hòa không khí; các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, nền móng công trình.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là: 90 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 125).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	bao gồm giá vốn nguyên vật liệu, nhân công, chi phí cho thuê phụ và các chi phí có liên quan khác của các công trình xây lắp chưa được chủ đầu tư nghiệm thu xác nhận khối lượng tại ngày lập báo cáo tài chính.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 6 năm
Phương tiện vận tải	2 - 7 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 3 năm

3.6 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Đầu tư chứng khoán

Đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Các khoản dự phòng

Dự phòng chi phí bảo hành công trình xây lắp

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Công ty trích lập dự phòng bảo hành công trình xây lắp theo quy định trong hợp đồng với khách hàng nhưng tối đa không vượt quá 5% trên tổng giá trị công trình xây lắp.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân tố khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng xây lắp đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.14 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với khối lượng công việc đã hoàn thành thực tế vào ngày kết thúc năm tài chính và đã được khách hàng xác nhận khối lượng đã hoàn thành tại thời điểm đó. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

10033
NHÂN
NG TY
HIỆM H
& YO
ET N
HÀ N
EM - T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	203.444.556	33.939.655
Tiền gửi ngân hàng	2.424.506.733	129.726.461
Các khoản tương đương tiền	-	4.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>2.627.951.289</u>	<u>4.163.666.116</u>

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi bằng VNĐ có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Hà Nội với lãi suất 6%/năm.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	6.860.349.007	17.464.103.341
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	57.351.015.335	70.462.049.891
TỔNG CỘNG	<u>64.211.364.342</u>	<u>87.926.153.232</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(234.244.500)	(117.122.250)

5.2 Trả trước cho người bán

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trả trước cho người bán	12.411.736.184	14.336.383.701
TỔNG CỘNG	<u>12.411.736.184</u>	<u>14.336.383.701</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đặt cọc	600.000.000	600.000.000
Phải thu khác (*)	4.157.817.348	549.187.181
TỔNG CỘNG	<u>4.757.817.348</u>	<u>1.149.187.181</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác</i>	<i>4.157.817.348</i>	<i>549.187.181</i>
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	<i>600.000.000</i>	<i>600.000.000</i>

(*) Bao gồm các khoản cho Công ty TNHH Một thành viên Tổng đội Thanh niên Xung phong Trường Sơn và Công ty TNHH Vinh Quang vay ngắn hạn không chịu lãi, không có tài sản thế chấp.

7. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	2.456.732.121	1.450.089.986
Công cụ, dụng cụ	92.534.205	347.866.769
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.693.582.851	24.995.577.863
TỔNG CỘNG	<u>14.242.849.177</u>	<u>26.793.534.618</u>

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tạm ứng lương	87.668.127	155.125.000
Tạm ứng cho nhân viên mua hàng	4.821.178.647	544.091.610
TỔNG CỘNG	<u>4.908.846.774</u>	<u>699.216.610</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VNĐ
Nguyên giá:					
Số đầu năm	10.389.871.961	42.022.593.593	14.948.381.379	390.445.380	67.751.292.313
- Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang	-	18.565.875.502	-	-	18.565.875.502
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.117.924.537)	-	(4.117.924.537)
Số cuối năm	10.389.871.961	60.588.469.095	10.830.456.842	390.445.380	82.199.243.278
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	25.223.143.831	1.914.706.885	341.545.380	27.479.396.096
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	1.392.215.682	26.945.829.099	10.324.432.915	354.083.095	39.016.560.791
- Khấu hao trong năm	397.963.808	5.589.103.731	2.006.393.876	9.780.000	8.003.241.415
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.662.402.750)	-	(2.662.402.750)
Số cuối năm	1.790.179.490	32.534.932.830	9.668.424.041	363.863.095	44.357.399.456
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	8.997.656.279	15.076.764.494	4.623.948.464	36.362.285	28.734.731.522
Số cuối năm	8.599.692.471	28.053.536.265	1.162.032.801	26.582.285	37.841.843.822
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để cầm cố /thế chấp	8.554.256.647	10.130.108.455	-	-	18.684.365.102

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nhà văn phòng tại Nhơn Trạch - Đồng Nai	1.035.213.000	1.035.213.000
Mỏ đá Sao Thổ, Hà Tĩnh (*)	14.356.195.496	31.937.764.552
TỔNG CỘNG	<u>15.391.408.496</u>	<u>32.972.977.552</u>

(*) Trong năm, trạm nghiền sàng đá thuộc Dự án Mỏ đá Sao Thổ đã hoàn thành và chuyển sang tài sản cố định từ ngày 31 tháng 12 năm 2014 với tổng giá trị là 18.565.875.501 đồng. Số dư còn lại liên quan đến các chi phí xây dựng và chi phí chuẩn bị sản xuất tại Mỏ đá Sao Thổ, Hà Tĩnh. Hiện Công ty đang trong quá trình xin cấp giấy phép khai thác tại mỏ đá này.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí giai đoạn đầu tư dự án mỏ đá Sao Thổ	-	5.235.697.633
Khác	80.891.882	88.312.000
TỔNG CỘNG	<u>80.891.882</u>	<u>5.324.009.633</u>

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay ngắn hạn từ ngân hàng (i)	44.744.130.581	41.005.435.692
Vay ngắn hạn khác	-	2.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn phải trả (Thuyết minh số 19)	1.480.000.000	1.610.000.000
TỔNG CỘNG	<u>46.224.130.581</u>	<u>44.615.435.692</u>

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	44.744.130.581	Từ ngày 6 tháng 1 năm 2014 đến ngày 29 tháng 9 năm 2015.	9,5%	Nhà văn phòng và phương tiện vận tải
TỔNG CỘNG	<u>44.744.130.581</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

13.1 Phải trả người bán

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn cho người bán	15.146.566.947	11.804.249.133
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	5.518.213.846	13.577.250.232
TỔNG CỘNG	<u>20.664.780.793</u>	<u>25.381.499.365</u>

13.2 Người mua trả tiền trước

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước	584.161.499	2.448.004.523
TỔNG CỘNG	<u>584.161.499</u>	<u>2.448.004.523</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	429.387.257	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 26.2)	65.739.762	991.372.083
Thuế thu nhập cá nhân	445.566.775	543.529.130
Thuế khác	1.081.890	3.515.789
TỔNG CỘNG	<u>941.775.684</u>	<u>1.538.417.002</u>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí lãi vay	77.518.206	79.808.606
Chi phí thưởng cho nhân viên	605.000.000	-
Chi phí nhân công, thuê máy, mua bê tông	1.298.477.139	58.301.463
Chi phí vận chuyển đá	-	188.310.364
Các khoản khác	90.909.091	153.605.587
TỔNG CỘNG	<u>2.071.904.436</u>	<u>480.026.020</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Khoản ứng trước từ Licogi 16	3.700.000.000	3.354.486.335
Tiền phạt chậm nộp thuế phải trả	492.603.560	438.669.645
Bảo hiểm xã hội, y tế	3.912.136.150	1.873.875.631
Kinh phí công đoàn	338.739.477	361.932.277
Cổ tức phải trả	39.355.600	30.000.000
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	307.000.000	360.000.000
Phải trả tạm ứng thiếu của nhân viên	1.351.294.554	744.109.300
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.431.988.286	1.724.544.065
TỔNG CỘNG	<u>11.573.117.627</u>	<u>8.887.617.253</u>
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải trả khác</i>	7.873.117.627	5.533.130.918
<i>Phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	3.700.000.000	3.354.486.335

17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Dự phòng phải trả ngắn hạn là khoản trích lập dự phòng bảo hành công trình xây lắp theo quy định trong hợp đồng với khách hàng. Số dự phòng chủ yếu liên quan đến Công trình Thủy điện Bản Chát, được trích ở mức 3% trên tổng doanh thu từ công trình này (không bao gồm phần khối lượng thuộc trách nhiệm bảo hành của thầu phụ).

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	2.166.789.647	2.309.135.696
Trích trong năm	-	585.278.951
Chi trong năm	<u>(1.007.460.334)</u>	<u>(727.625.000)</u>
Số cuối năm	<u>1.159.329.313</u>	<u>2.166.789.647</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay ngân hàng	3.640.000.000	5.250.000.000
TỔNG CỘNG	3.640.000.000	5.250.000.000
<i>Trong đó:</i>		
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 12)</i>	<i>1.480.000.000</i>	<i>1.610.000.000</i>
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>2.160.000.000</i>	<i>3.640.000.000</i>

Chi tiết khoản vay ngân hàng dài hạn như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
			<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	3.640.000.000	từ 2-3 năm	11%	Máy móc, thiết bị
<i>Trong đó: nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.480.000.000</i>			
	2.160.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

20. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<i>Đơn vị tính: VND</i>						
Năm trước						
Số đầu năm	76.000.000.000	7.616.480.409	4.820.322.287	2.587.076.983	17.629.377.508	108.653.257.187
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	354.669.841	354.669.841
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(7.600.000.000)	(7.600.000.000)
- Trích quỹ	-	-	1.170.557.902	585.278.951	(2.341.115.804)	(585.278.951)
- Giảm khác	-	-	-	-	(337.856.583)	(337.856.583)
Số cuối năm	76.000.000.000	7.616.480.409	5.990.880.189	3.172.355.934	7.705.074.962	100.484.791.494
Năm nay						
Số đầu năm	76.000.000.000	7.616.480.409	5.990.880.189	3.172.355.934	7.705.074.962	100.484.791.494
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	(37.701.466.149)	(37.701.466.149)
- Giảm khác	-	-	-	-	(53.933.915)	(53.933.915)
Số cuối năm	76.000.000.000	7.616.480.409	5.990.880.189	3.172.355.934	(30.050.325.102)	62.729.391.430

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

20. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Tổng số</i>	<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Cổ phiếu thường</i>
Vốn góp	76.000.000.000	76.000.000.000	76.000.000.000	76.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	7.616.480.409	7.616.480.409	7.616.480.409	7.616.480.409
TỔNG CỘNG	83.616.480.409	83.616.480.409	83.616.480.409	83.616.480.409

20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Năm nay</i>		<i>Năm trước</i>	
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu				
Vốn góp tại ngày 1 tháng 1		76.000.000.000		76.000.000.000
Tăng vốn cổ phần trong năm		-		-
Vốn góp giảm trong năm		-		-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12		76.000.000.000		76.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-		7.600.000.000

20.4 Cổ tức

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Năm nay</i>		<i>Năm trước</i>	
Cổ tức đã công bố trong năm		-		7.600.000.000
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		-		7.600.000.000
Cổ tức cho năm 2014: 0 (2013: 1.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu)		-		7.600.000.000

20.5 Cổ phiếu

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>VNĐ</i>	<i>Số lượng</i>	<i>VNĐ</i>
Cổ phiếu đã phát hành	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	7.600.000	76.000.000.000	7.600.000	76.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ (2013: 10.000 VNĐ).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

20. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.6 Quỹ

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	5.990.880.189	5.990.880.189
Quỹ dự phòng tài chính	3.172.355.934	3.172.355.934
TỔNG CỘNG	9.163.236.123	9.163.236.123

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	79.211.365.430	82.025.687.149
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	55.189.113.382	37.527.763.393
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	8.310.245.594	4.974.989.377
<i>Doanh thu hợp đồng xây dựng</i>	15.712.006.454	39.522.934.379
Doanh thu thuần	79.211.365.430	82.025.687.149
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa</i>	70.901.119.836	77.050.697.772
<i>Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ</i>	8.310.245.594	4.974.989.377

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong năm và tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đang thực hiện như sau:

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu được ghi nhận trong năm của hợp đồng xây dựng đã hoàn thành	-	-
Doanh thu được ghi nhận trong năm của hợp đồng xây dựng đang thực hiện	15.712.006.454	39.522.934.379
TỔNG CỘNG	15.712.006.454	39.522.934.379
Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đang thực hiện tính từ đầu năm đến ngày 31 tháng 12	15.712.006.454	39.522.934.379

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	33.248.224	42.406.099
TỔNG CỘNG	33.248.224	42.406.099

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	54.903.254.158	34.701.227.438
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.418.448.350	4.139.797.350
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	38.007.126.031	28.983.899.908
TỔNG CỘNG	102.328.828.539	67.824.924.696

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	5.011.965.096	5.601.880.588
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	(2.554.175.563)
TỔNG CỘNG	5.011.965.096	3.047.705.025

24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	1.501.818.181	2.836.363.636
Thu thanh lý tài sản	1.501.818.181	2.836.363.636
Chi phí khác	1.455.521.787	2.396.583.846
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý và chi phí thanh lý tài sản	1.455.521.787	1.676.388.352
Chi từ thiện	-	662.812.426
Chi phí khác	-	57.383.068
GIÁ TRỊ THUẦN	46.296.394	439.779.790

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.491.515.068	16.885.167.407
Chi phí nhân công	12.825.265.077	16.239.078.594
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.003.241.415	9.162.396.497
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.150.666.692	32.555.474.616
Chi phí khác	21.521.687.945	7.118.669.205
TỔNG CỘNG	116.992.376.197	81.960.786.319

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	196.350.970
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	-
TỔNG CỘNG	-	196.350.970

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	(37.701.466.149)	551.020.811
<i>Các điều chỉnh (lỗ)/lợi nhuận theo kế toán</i>		
Thủ lao của Hội đồng Quản trị	-	177.000.000
Các khoản phạt	-	57.383.068
(Lỗ)/lợi nhuận điều chỉnh trước thuế	(37.701.466.149)	785.403.879
Thuế TNDN ước tính trong năm hiện hành	-	196.350.970
Thuế TNDN phải trả đầu năm	991.372.083	4.157.844.708
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	391.790.498
Thuế TNDN đã trả trong năm	(925.632.321)	(3.754.614.093)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	65.739.762	991.372.083

26.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 37.701.466.149 VNĐ có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế phát sinh trong tương lai đến năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho năm nay chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ nêu trên do không thể dự tính chắc chắn lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>			
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị</i>
Công ty Cổ phần Licogi 16	Công ty mẹ	Doanh thu bán đá	42.779.578.000
		Doanh thu xây lắp	11.801.556.170
		Doanh thu cho thuê thiết bị	5.481.695.962
Công ty Cổ phần Licogi 16 - CN Hà Nội	Cùng tập đoàn	Doanh thu cung cấp điện nước	22.600.976
Công ty Cổ phần Licogi 16 - Chi nhánh Lai Châu	Cùng tập đoàn	Doanh thu cung cấp điện nước	17.453.772
		Các khoản phí phải trả	1.798.963.770
Chi nhánh Công ty Licogi 13 - Vật liệu Xây dựng CMC	Cùng tập đoàn	Doanh thu cung cấp điện nước	20.274.830
Công ty Cổ phần Licogi 17	Cùng tập đoàn	Doanh thu cung cấp điện nước	85.560.762

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan cũng như mua hàng từ các bên liên quan theo mức giá thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>			
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số dư</i>
Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 5.1)			
Công ty Cổ phần Licogi 16	Công ty mẹ	Doanh thu xây lắp	38.890.071.011
Công ty Cổ phần Licogi 16 - Lai Châu	Cùng tập đoàn	Doanh thu xây lắp	18.255.402.973
Công ty Cổ phần Licogi 13 - XD & KT công trình	Cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	194.380.174
Công ty Cổ phần Licogi 17	Cùng tập đoàn	Bán hàng hóa	9.755.822
Công ty Cổ phần Licogi 6	Cùng tập đoàn	Bán hàng hóa	1.405.355
			57.351.015.335
Phải thu khác (Thuyết minh số 6)			
Công ty Cổ phần Licogi 16	Công ty mẹ	Đặt cọc	600.000.000
			600.000.000
Phải trả người bán (Thuyết minh số 13.1)			
Licogi 16 - Lai Châu	Cùng tập đoàn	Mua nguyên vật liệu	1.798.963.770
Licogi 13 - Vật liệu xây dựng CMC	Cùng tập đoàn	Mua nguyên vật liệu và thiết bị	3.719.250.076
			5.518.213.846
Phải trả khác (Thuyết minh số 16)			
Công ty Cổ phần Licogi 16	Công ty mẹ	Ứng trước cho Công ty	3.700.000.000
			3.700.000.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>		
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	2.064.597.750	1.548.000.000
TỔNG CỘNG	2.064.597.750	1.548.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(37.701.466.149)	354.669.841
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	<u>(37.701.466.149)</u>	<u>354.669.841</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính (lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.600.000	7.600.000
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	<u>7.600.000</u>	<u>7.600.000</u>

29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay và nợ có lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ và kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại.

Độ nhạy đối với lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau (tác động đến vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể):

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Tăng/giảm điểm cơ bản</i>	<i>Ảnh hưởng (tăng)/giảm (lỗ)/lợi nhuận trước thuế</i>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014		
VND	+100	(483.841.306)
VND	- 100	483.841.306
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013		
VND	+100	(482.554.357)
VND	- 100	482.554.357

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty).

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 5.1 và số 27, phần lớn số dư công nợ phải thu khách hàng của Công ty tập trung vào các công ty liên quan, trong đó phần lớn là các khoản phải thu từ công ty mẹ, là Công ty Cổ phần Licogi 16.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Bắt kỳ thời điểm nào</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2014				
Các khoản vay và nợ	-	46.224.130.581	2.160.000.000	48.384.130.581
Phải trả người bán	20.664.780.793	-	-	20.664.780.793
Chi phí phải trả	1.466.904.436	-	-	1.466.904.436
Các khoản phải trả khác	2.783.282.840	-	-	2.783.282.840
	24.914.968.069	46.224.130.581	2.160.000.000	73.299.098.650
Ngày 31 tháng 12 năm 2013				
Các khoản vay và nợ	-	44.615.435.692	3.640.000.000	48.255.435.692
Phải trả người bán	25.381.499.365	-	-	25.381.499.365
Chi phí phải trả	480.026.020	-	-	480.026.020
Các khoản phải trả khác	2.468.653.365	-	-	2.468.653.365
	28.330.178.750	44.615.435.692	3.640.000.000	76.585.614.442

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

30. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng (trừ dự phòng)	63.977.119.842	87.809.030.982	63.977.119.842	87.809.030.982
Phải thu khác	4.757.817.348	1.149.187.181	4.757.817.348	1.149.187.181
Tiền	2.627.951.289	4.163.666.116	2.627.951.289	4.163.666.116
	71.362.888.479	93.121.884.279	71.362.888.479	93.121.884.279
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	48.384.130.581	48.255.435.692	48.384.130.581	48.255.435.692
Phải trả người bán	20.664.780.793	25.381.499.365	20.664.780.793	25.381.499.365
Chi phí phải trả	1.466.904.436	480.026.020	1.466.904.436	480.026.020
Các khoản phải trả khác	2.783.282.840	2.468.653.365	2.783.282.840	2.468.653.365
	73.299.098.650	76.585.614.442	73.299.098.650	76.585.614.442

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

30. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản vay chịu lãi suất được ước tính bằng giá trị ghi sổ của các khoản mục này.

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh hay tình hình tài chính của Công ty.



Đào Lan Tuyết
Người lập



Hà Thị Huệ
Kế toán trưởng



Vũ Công Hưng
Tổng Giám đốc



Ngày 24 tháng 3 năm 2015